

Trần Kính – Trần Duệ Tông (1920-1954)

Trần Kính – Trần Duệ Tông (Bính Tí 1336-Đinh Tị 1377)

Niên hiệu: Long Khánh

Trần Kính sinh năm Đinh Mùi (1337) lên ngôi lấy hiệu là Duệ Tông, lập em họ Hồ Quý Ly là Lê Thị làm Hoàng hậu. Duệ Tông quyết đoán hơn nhưng không thể làm được gì vì quyền bính vẫn do Thượng hoàng Nghệ Tông nắm giữ.

Năm Bính Thìn (1376), quân Chiêm sang đánh Hoá Châu (Nghệ An). Thấy Chiêm Thành luôn xâm phạm bờ cõi Đại Việt, vua Duệ Tông quyết thân chinh đem quân đi trừng phạt.

Tháng Giêng năm Đinh Ty (1377) Duệ Tông tiến quân vào cửa Thị Nại (Quy Nhơn) đánh lấy đồn Thạch Kiều và động Kỳ Mang rồi tiến vào Đồ Bàn, kinh đô vua Chiêm. Chế Bồng Nga lập đồn giữ ở ngoài thành, cho người trá hàng nói Chế Bồng Nga đã bỏ thành chạy trốn, xin tiến binh ngay. Duệ Tông tưởng thật, truyền lệnh tiến binh vào thành. Đại tướng Đại Việt là Đỗ Lễ can mãi vua

không nghe. Khi quân Việt đến chân thành Đồ Bàn, quân Chiêm từ 4 phía đổ ra đánh. Quan quân thua to. Vua Duệ Tông chết trong đám loạn quân.

Trần Khâm – Trần Nhân tông (Mậu Ngọ 1258-Mậu Thân 1308)

Trần Khâm – Trần Nhân Tông (Mậu Ngọ 1258-Mậu Thân 1308)

Còn gọi Trần Sâm, hay Trần Khâm, vua thứ ba nhà Trần, miếu hiệu Nhân Tông, Thiền gia, cũng là nhà Phật học, đứng đầu Trúc Lâm tam tổ, phái Thiền Tông Yên Tử. Sinh ngày 11-10- 1258, con trưởng Thánh Tông.

Năm Mậu Dần 1278, ông lên ngôi, cùng với cha và các đại thần Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải chấn chỉnh việc nước, vượt khó khăn, hai lần đánh tan quân Nguyên Mông xâm lược 1285-1287.

Triều đại ông nổi bật tinh thần quân dân đoàn kết, nổi tiếng qua hai cuộc Hội nghị Diên Hồng và Bình Than.

Năm Quý Tị 1293 ông nhường ngôi cho con là Trần Thuyên (tức Anh Tông) làm Thái thượng hoàng, cùng con coi sóc việc chính trị.

Đến năm 1299, ông hoàn toàn phải sạch trần tục, lên núi Yên Tử ẩn tu, pháp hiệu là Hương Vân đại đầu đà, khai sáng Thiên tông phái Yên Tử, cũng gọi là phái Trúc Lâm. Do đó, nhân dân cũng gọi ông là Trúc Lâm đại đầu đà hoặc Điều Ngự giác hoàng.

Ngày 3-10 Mậu Thân, ông mất tại Yên Tử, hưởng dương 50 tuổi. Ông có soạn các sách:

- Trung hưng thực lục
- Thiên lâm thuyết chung ngữ lục
- Tăng già toái sự
- Trần Nhân Tông thi tập

– Thạch thất mị ngữ

– Đại Hương Hải ân thi tập.



Trần Đức Lương (sinh 1937)

Trần Đức Lương (sinh 1937), nhà hoạt động Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam. Quê: xã Phô Khánh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Học sinh Miền Nam tập kết ra Bắc (1955). Công tác trong ngành địa chất (từ 1955). Gia nhập Đảng Lao động Việt Nam (12.1959). Tốt nghiệp khoá 11 Đại học Mỏ - Địa chất (1969). Học Trường Đảng Cao cấp Nguyễn Ái Quốc (1975 - 77). Thời kì công tác trong ngành địa chất, đã giữ các chức vụ: bí thư Ban Cán sự Đảng Tổng cục Địa chất, liên đoàn trưởng Liên đoàn Bản đồ Địa chất, tổng cục trưởng Tổng cục Địa chất. Học quản lí kinh tế tại Viện Hàn lâm Kinh tế Quốc dân Liên Xô (1981).

Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá V, uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương các khoá VI - IX; uỷ viên Bộ Chính trị các khoá VIII, IX.

Phó chủ nhiệm, chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Quốc hội khoá VII.

Phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1987 - 92), đại diện thường trực của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hội đồng Tương trợ Kinh tế các nước xã hội chủ nghĩa (SEV). Phó thủ tướng Chính phủ (1992 - 97). Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh (1997 - 2002 và nhiệm kỳ 2002 - 2007). Đại biểu Quốc hội các khoá VII - XI.